TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh Phóc

Bản án số: 06 /2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 06 -3 -2023.
V/v: "Kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST- HNGĐ ,ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hà N, sinh năm 1990.
Trú tại: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Q.
-Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1987
Trú tại: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).
Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016, ngày 17/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Hà N trình bày:

Chị N và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17 tháng 01 năm 2016; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên không hợp nhau về tư tưởng cũng như cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay, cuộc sống hôn nhân không thể hòa hợp được, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh H. Hai vợ chồng có một con chung là Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 16/01/2017, chị N trình bày muốn được nuôi con, không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày: Chị N và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17/01/2016. Sau khi kết hôn chung sống có một số mâu thuẫn vì không tìm được ý kiến chung, nay chị N xin ly hôn anh H không nhất trí ly hôn, mong muốn đoàn tụ vì tương lai con.Về con chung: Vợ chồng có một con chung đúng như chị N trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết (vì muốn đoàn tụ), nếu ly hôn anh H đề nghị Tòa án xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Tranh chấp phát sinh giữa chị Lê Thị Hà N và anh Nguyễn Mạnh H là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh H thừa nhận đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi cho anh và anh H đã có bản tự khai có trong hồ sơ vụ án; anh H xin vắng mặt tại phiên tòa vì bận công việc làm ăn, đề nghị Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Q vào ngày 17/01/2016; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được; hai vợ chồng đã sống ly thân trên 2 năm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã

trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Lê Thị Hà N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H là có căn cứ.

[3].Về con chung:

Hai anh, chị có một con chung là Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 16/01/2017 chị N trình bày muốn được nuôi con, không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con, chị N cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con; anh H vắng mặt tại phiên tòa, trong bản tự khai anh H muốn đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, nhưng nếu ly hôn anh H đề nghị Tòa án xem xét, nghĩ cần giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, đề nghị của chị N. Sau này anh H hoặc chị N có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị N chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Lê Thị Hà N được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Khánh N, sinh ngày 16/01/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Sau này chị N hoặc anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và phí tổn nuôi con.

Cấm chị N ngăn cản anh H quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hà N chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai số 0002681 ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/3/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
-Chị Lê Thị Hà N;
-Anh Nguyễn Mạnh H;
-Ban Tư pháp xã L(Để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân